

# Giáo án Toán lớp 3

## CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

### BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1000 (TIẾT 1)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

##### 1. Năng lực đặc thù:

- Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến 1 000 (ôn tập).
- Nhận biết được cấu tạo và phân tích số của số có ba chữ số, viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị (ôn tập).
- Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

##### 2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

##### 3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động:</b>  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
<b>- Cách tiến hành: GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</b>  + GV chia lớp thành 3 tổ thi với nhau. Phổ biến luật chơi:  <b>Tổ 1:</b> HS A (bạn đầu tiên ở bàn 1) nêu số có 3 chữ số bất kì, HS B nêu số tiếp theo (liền sau số đó), HS C tương tự.  <b>Tổ 2:</b> HS A nêu số có 3 chữ số bất kì, HS B nêu số có 3 chữ số bé hơn số của HS A, HS C tương tự.  <b>Tổ 3:</b> HS A nêu số có 3 chữ số bất kì, HS B nêu số có 3 chữ số lớn hơn số của HS A, HS C tương tự.  + Mỗi bạn có 3 giây để nói. Bạn bất kì trong tổ nói sai hoặc chậm thời gian cả tổ đó sẽ thua.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi
<b>2. Luyện tập:</b>  - Mục tiêu:  + Ôn tập, củng cố về kiến thức đọc, viết, xếp thứ tự, so sánh các số đến 1 000.	

+ Ôn tập, củng cố về kiến thức về cấu tạo phân tích số có ba chữ số, viết số có ba chữ số các trăm, chục, đơn vị (và ngược lại).

+ Bổ sung kiến thức mới về ba số liên tiếp (dựa vào số liền trước, số liền sau trên tia số đã học).

- Cách tiến hành:

**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Nêu số và cách đọc số.**

- GV hướng dẫn cho HS nhận biết hàng số thứ nhất.

- Hàng 2, 3, 4 học sinh làm bảng con.

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết
	1	3	4	134
	2	4	5	?
	3	0	7	?
	?	?	?	?

- GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Số?**

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

**Bài 1:**

- 1 HS nêu cách viết số (134) đọc số (Một trăm ba mươi tư).

- HS lần lượt làm bảng con viết số, đọc số:

+ Viết số: 245; Đọc số: Hai trăm bốn mươi lăm.

+ Viết số: 307; Đọc số: Ba trăm linh bảy.

+ Hàng trăm: 2, hàng chục: 7, hàng đơn vị: 1; Viết số: 271; Đọc số: Hai trăm bảy mươi một.

**Bài 2:**

- HS làm việc theo nhóm.

+ Con thỏ số 1: 750.

+ Con thỏ số 2: 999.

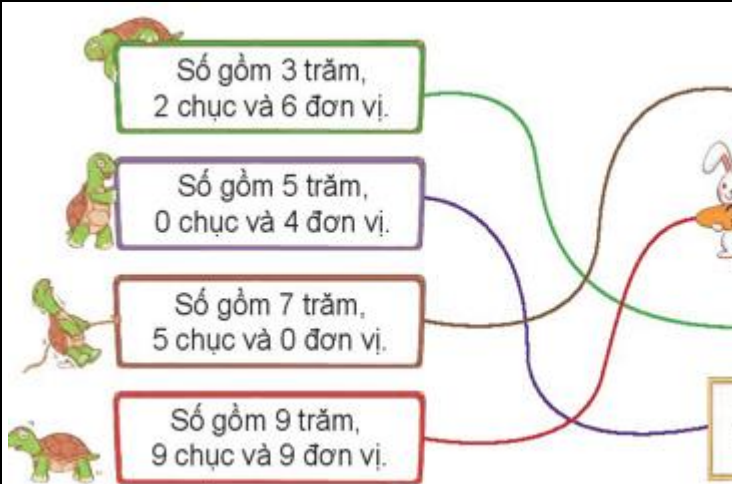
+ Con thỏ số 4: 504.

**Bài 3:**

a) HS làm vào vở.

+ 222: 2 trăm, 2 chục, 2 đơn vị.

+ 305: 3 trăm, 0 chục, 5 đơn vị.



+ 598: 5 trăm, 9 chục, 8 đơn vị.

+ 620: 6 trăm, 2 chục, 0 đơn vị.

+ 700: 7 trăm, 0 chục, 0 đơn vị.

b) HS làm vào vở.

$$+ 538 = 500 + 30 + 8$$

$$+ 444 = 400 + 40 + 4$$

$$+ 307 = 300 + 0 + 7 \quad (300 + 7)$$

$$+ 640 = 600 + 40 + 0 \quad (600 + 40)$$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

### Bài 3a: (Làm việc cá nhân) Số?

- GV cho HS làm bài tập vào vở.

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

Số	Số trăm	Số chục	Số đơn vị
437	4	3	7
222	?	?	?
305	?	?	?

Số	Số trăm	Số chục	Số đơn vị
598	?	?	?
620	?	?	?
700	?	?	?

- GV nhận xét, tuyên dương.

**Bài 3b. (Làm việc cá nhân) Viết các số 385, 538, 444, 307, 640 thành tổng các trăm, chục và đơn vị.**

- GV làm VD:  $385 = 300 + 80 + 5$
- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét tuyên dương.

**Bài 4. (Làm việc nhóm 4) Số?**

- GV cho HS nêu giá trị các số liền trước, liền sau.
- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
41	42	43
?	426	?
?	880	?
?	999	?
35	?	?
?	?	?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

**Bài 4:**

- 1 HS nêu: Giá trị các số liền trước, liền sau hơn, kém nhau 1 đơn vị.
- HS làm việc theo nhóm.

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
41	42	43
<b>425</b>	426	<b>427</b>
<b>879</b>	880	<b>881</b>
<b>998</b>	999	<b>1000</b>
35	<b>36</b>	<b>37</b>
<b>324</b>	<b>325</b>	326

**Bài 5:**

- a) HS đọc tia số.
- HS quan sát.
  - HS nêu:
    - + Số liền trước của 19 là 18
    - + Số liền sau của 19 là 20